

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng
2. Bà Lê Thị Hồng Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đội, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đội, thôn, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà C có mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-5-2021 và các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim C trình bày:*

Bà và ông Đồng Văn T sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới vào năm 1997, đến năm 2000 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Q, nay là thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống do bất đồng

quan điểm, tính tình không hợp nên giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay đã đến mức trầm trọng, phần ai nấy sống và tình cảm ngày càng lạnh nhạt và ông T không có trách nhiệm với vợ con, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Đồng Văn T.

Về con chung: Bà và ông Đồng Văn T có 02 con chung tên Đồng Văn Đ, sinh năm 1998 và Đồng Thị Quỳnh N, sinh ngày 16-12-2005. Hiện nay, 02 con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đồng Thị Quỳnh N, không yêu cầu ông Đồng Văn T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đồng Văn Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến có chứng thực ngày 15-6-2021, bị đơn là ông Đồng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim C tổ chức lễ cưới năm 1997 và đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã N. Nay bà Trần Thị Kim C yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn vì bản thân ông đã cố gắng để cứu vãn hạnh phúc gia đình nhưng bà Trần Thị Kim C cương quyết yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đồng Văn Đ, sinh năm 1998 và Đồng Thị Quỳnh N, sinh ngày 16-12-2005. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu Đồng Thị Quỳnh N cho bà Trần Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đồng Văn Đ đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C được ly hôn ông Đồng Văn T.

+ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T về việc giao cháu Đồng Thị Quỳnh N cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đồng Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Sau ly hôn, ông Đồng Văn T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà Trần Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là ông Đồng Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đồng Văn T.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã N, thị xã Q, nay là thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2000 ngày 05-01-2000 nên hôn nhân của bà C và ông T là hợp pháp.

Theo bà C thì trong quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay đã đến mức trầm trọng, phần ai nấy sống đã hơn 03 năm, tình cảm ngày càng lạnh nhạt và ông T không có trách nhiệm với vợ con, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Đồng Văn T. Về phía ông Đồng Văn T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Kim C. Do đó, bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T được ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T có 02 con chung tên Đồng Văn Đ, sinh năm 1998 và Đồng Thị Quỳnh N, sinh ngày 16-12-2005. Khi ly hôn, bà Trần Thị Kim C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đồng Thị Quỳnh N, không yêu cầu ông Đồng Văn T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N có nguyện vọng được ở với bà C. Ông T thống nhất giao cháu N cho bà C nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đồng Thị Quỳnh N cho bà Trần Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Đồng Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Đồng Thị Quỳnh N, sinh ngày 16-12-2005 cho bà Trần Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đồng Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị Kim C và ông Đồng Văn T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0006891 ngày 12-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- UBND xã N, TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa